TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H3 phúc**

Bản án số: 287/2023/DS-PT
Ngày 19-7-2023
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng H4 Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2023/TLPT-DS ngày 12/6/2023 về việc "tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn X, sinh năm 1965; địa chỉ: số 234 tổ 9B, ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B3, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 2, khu phố Khánh Thạnh, phường TK, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số 467/9 Đại lộ Bình Dương, khu 1, phường PC, thành phố TD, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 08/5/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H1, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Ngọc A, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp Sa Thêm, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt

2. Bà Phan Thị H2, sinh năm 1945; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Phan Thị H3, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Bà Phan Thị Thu H4, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Bà Phan Thị Ngọc S1, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

6. Ông Phan Thanh D1, sinh năm 1988; địa chỉ: số 963/12 Hương Lộ 2, khu phố 8, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

7. Bà Phan Thị Thu T1, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phan Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2022, đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 11/7/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phan Văn X trình bày:**

Cha ông X là ông Phan Văn Buội, sinh năm: 1919, chết năm: 2006. Theo Giấy trích lục khai tử số: 269/TLKT-BS do UBND xã AD cấp ngày 29/04/2022. Ông Buội có cha ruột là Phan Văn Đôi, chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử và mẹ ruột của ông Buội là bà Võ Thị Diễn, chết năm: 1976, không có giấy chứng tử, mẹ ông X là bà Nguyễn Thị Chinh, sinh năm: 1924, chết ngày 01/01/2006, theo Giấy trích lục khai tử số: 269/TLKT-BS do UBND xã AD cấp ngày 29/04/2022. Bà Chinh có cha ruột là ông Trần Văn Ẩn, chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử và mẹ ruột là bà: Nguyễn Thị Phường, chết năm 1975, không có giấy chứng tử.

Ông Phan Văn Buội và bà Nguyễn Thị Chinh có 07 người con chung gồm:

1. Phan Thị H2, sinh năm: 1945; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Phan Thị Hoa, sinh năm 1950 (đã chết), chết lúc 9 tuổi.

3. Phan Thị H3, sinh năm: 1953; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Phan Ngọc A, sinh năm: 1956; địa chỉ: ấp Sa Thêm, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

5. Phan Văn Lập, sinh năm: 1958 (đã chết), chết lúc 15 tuổi.

6. Phan Văn X, sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp Kiến Điền, xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

7. Phan Ngọc Sương, sinh năm: 1966 (đã chết năm 2018)

Ngoài ra cha mẹ ông X không có người con riêng nào khác.

Cha mẹ ông X chết để lại 2 phần đất:

Phần đất gò: diện tích: 6.226m^2 thuộc thửa đất số 674 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, đất này khi cha mẹ ông X chết thì đất vẫn đang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Buội ngày cấp 28/4/2005. Phần đất này hiện tại đã được chia thành các thửa đất số 1020 cho bà H2, thửa 1021 cho ông X, thửa 1024 cho bà H3 và thửa 1025 do ông Sương đứng tên. Toàn bộ thửa đất số 674 do cha mẹ ông X mua của người khác từ sau năm 1945, sau khi các con là bà H2, bà H3 và ông X có vợ chồng thì cha mẹ ông X cho mỗi người một phần để cất nhà ở sinh sống, thời điểm cho chỉ nói miệng không có làm giấy, khi nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cha mẹ ông X đi kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha ông X là ông Buội khoảng năm 2004 - 2005, đến khi cha mẹ ông X chết thì chị em của ông X có làm thủ tục phân chia thửa đất này ra từng phần cho các người con theo như khi cha mẹ ông X còn sống tặng cho, theo đó ông X được chia một phần thuộc thửa 1021, bà H2 được chia 1 phần thuộc thửa 1020, bà H3 được chia 1 phần thuộc thửa 1024, còn bà A không được chia vì bà A có chồng ở xa chia bà A từ chối không nhận, khi anh em ông X tiến hành phân chia thì bà A biết việc phân chia này nhưng vì bà A đồng ý nên không có ý kiến.

Khi thỏa thuận phân chia thừa kế thì thửa đất số 1025 (đang tranh chấp thừa kế) chị em trong gia đình ông X thỏa thuận để lại làm hương quả cho ông bà, làm chỗ thờ cúng theo đúng nguyện vọng của cha mẹ ông X khi còn sống, chị em ông X chỉ giao cho ông Sương giữ chứ không được bán.

Việc phân chia thừa kế thửa đất gò (thửa 674) được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương ngày 15/8/2007, tham gia phân chia có ông X, ông Sương, bà H2 và bà H3. Bà A không tham gia phân chia vì bà A từ chối không nhận tài sản này của cha mẹ ông X để lại, từ lúc cha mẹ ông X còn sống cho đất bà A nhưng bà A đã từ chối nhận.

Nội dung văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007:

Thỏa thuận phân chia cho ông X phần đất hiện ông X đang cất nhà ở (thuộc thửa 1021), bà H2 được chia phần đất hiện bà H2 cũng đang cất nhà ở (thuộc thửa 1020), bà H3 được chia phần đất hiện tại thuộc thửa 1024, đối với phần tranh chấp hiện thuộc thửa 1025 thỏa thuận để làm đất hương quả chứ không phải chia cho ông Sương. Ngoài ra tại văn bản phân chia tài sản thừa kế này giữa chị em ông X còn thỏa thuận chia phần đất ruộng (thửa 850 tờ bản đồ số 16 tại xã AD) cho ông X và ông Sương, theo đó ông X được chia phần diện tích theo sổ là 3.694m^2 (thửa 1022), phần ông Sương được chia 2.920m^2 (thuộc thửa 1023) và chia cho bà H2 một thửa đất ruộng có diện tích 740m^2 hiện tại thuộc thửa đất số 897 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, ông X, bà H2, ông

Sương và bà H3 có ký tên vào văn bản phân chia tài sản thừa kế này.

Bà A có biết việc chị em ông X phân chia tài sản là thửa đất này và bà A cũng đồng ý với việc phân chia, bà A từ chối nhận tài sản cha mẹ cho.

Ngoài phần đất mà ông X vừa trình bày thì cha mẹ ông X còn để lại tài sản là phần đất ruộng thuộc thửa đất số 850 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, đất này có nguồn gốc cũng do cha mẹ ông X mua sau năm 1945. Đất này thời điểm cha mẹ ông X chết năm 2006 thì đất vẫn do cha ông X là ông Buội đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi cha mẹ ông X chết thì chị em ông X mới lập văn bản thỏa thuận phân chia thửa đất này cho ông X một phần và ông Sương một phần, phần ông X được chia nay thuộc thửa 1022, phần ông Sương được chia nay thuộc thửa 1023, việc phân chia này được thực hiện cùng lúc khi phân chia thửa đất gò bên trên, và được lập thành văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã AD, thị xã B.

Ngoài văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007 thì chị em ông X không có ký văn bản phân chia nào khác. Ông X thừa nhận có tham gia phân chia tài sản thừa kế của ông Buội và ký tên vào biên bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã AD chứng thực ngày 15/8/2007.

Văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007 giữa chị em của ông X chỉ thỏa thuận phân chia thửa đất số 674 tờ bản đồ số 16, thửa 850 tờ bản đồ số 16 và thửa 897 tờ bản đồ số 16 (chia cho bà Phan Thị H2) tại xã AD, thị xã B ngoài ra không còn phân chia thửa đất nào khác.

Nay ông X yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia thừa kế phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 1025 tờ bản đồ 16 tại xã AD qua đo đạc thực tế diện tích 2.348m^2 cho 4 người con của cha mẹ tôi gồm có ông X, bà H2, bà H3 và bà A, đất được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc Sương số vào sổ cấp GCN: CH03561 ngày 24/4/2012. Đối với tài sản trên đất là nhà của bị đơn bà H1 xây dựng thì ông X không tranh chấp.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1025 tờ bản đồ 16 tại xã AD, đất được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc Sương số vào sổ cấp GCN: CH03561 ngày 24/4/2012 thì ngày 17 tháng 10 năm 2022 ông X có nộp đơn cho Tòa án rút lại yêu cầu này.

*** Bị đơn bà Lê Thị H1 trình bày:**

Bà H1 thống nhất ý kiến của ông Phan Văn X về quan hệ huyết thống, ông X là anh chồng của bà H1, còn bà H2, bà H3 và bà A là chị chồng của bà H1. Ông Phan Ngọc Sương có hai vợ, vợ thứ nhất của ông Sương là bà Nguyễn Thị Huệ, ông Sương với bà Huệ có 2 người con là Phan Thị Thu T1, sinh năm 1990 và Phan Thanh D1, sinh năm 1988, năm 1994 ông Sương và bà Huệ ly hôn. Bà Lê Thị H1 là vợ sau của ông Sương, bà H1 với ông Sương có hai người

con là Phan Thị Thu H4 và Phan Thị Ngọc S1. Bà H1 thống nhất với ông X về họ tên, năm sinh và năm chết của cha mẹ ông Sương.

Về nguồn gốc thửa đất số 1025 tờ bản đồ số 16 tại xã AD ông X đang tranh chấp thừa kế có nguồn gốc của cha mẹ ông Sương tặng cho ông Sương khi còn sống, thửa đất này chỉ là một phần trong tổng diện tích đất của cha mẹ ông Sương, khi cha mẹ ông Sương còn sống đã cho mỗi người con một phần gồm có bà H3, bà H2, ông X và ông Sương như hiện trạng từng người đang sử dụng, khi cho chỉ nói bằng lời nói chứ chưa sang tên tách sổ, khi cha mẹ ông Sương chết nên chị em của ông Sương mới làm thủ tục phân chia để sang tên theo hiện trạng từng người sử dụng mà cha mẹ cho khi còn sống, theo đó thì phần đất ông X đang tranh chấp thừa kế đã được chị em thỏa thuận chia cho ông Sương và ông Sương cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2012, các người con của ông Buội và bà Chinh cũng đã sử dụng ổn định phần đất mình được chia, không ai tranh chấp gì.

Khi làm thủ tục phân chia phần đất của ông Buội bà Chinh thì bà A không tham gia vì bà A không nhận đất cha mẹ cho, bà A biết việc phân chia này, bà A đồng ý và không có khiếu nại hay tranh chấp gì.

Nay bà H1 có ý kiến là đất ông Sương đã được cha mẹ cho và hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất được sử dụng ổn định nên bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H2 trình bày:**

Bà H2 thống nhất với ý kiến của ông Phan Văn X về quan hệ huyết thống. Bà H2 là chị ruột của ông X, cha mẹ bà H2 chết để lại hai phần đất:

Phần đất thứ nhất là đất gò: diện tích 6.226m^2 thuộc thửa đất số 674 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, đất này khi cha mẹ bà H2 chết thì đất vẫn đang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Buội ngày cấp 28/4/2005.

Phần đất thứ hai: là đất ruộng diện tích 6.614m^2 thuộc thửa đất số 850 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, khi cha mẹ bà H2 chết đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Buội ngày cấp 28/4/2005. Cha mẹ bà H2 chết không có để lại di chúc.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 674: Đất này có nguồn gốc do cha mẹ bà H2 mua lại của người khác, sau đó cha mẹ bà H2 quản lý, sử dụng cho đến chết, thửa đất này khi còn sống cha mẹ bà có cho bà và các chị em mỗi người một phần để xây nhà ở và canh tác nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách thửa, sau khi cha mẹ bà H2 chết thì các chị em mới làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng người, theo đó bà H2 được chia diện tích 1.283m^2 thuộc thửa đất số 1020 tờ bản đồ số 16, ông X được cho 1.101m^2 thuộc thửa đất số 1021 tờ bản đồ số 16, bà H3 được cho là 68m^2 thuộc thửa đất số 1024 tờ bản đồ số 16, phần còn lại ông Sương đang đứng tên là thửa 1025 tờ bản đồ số 16 đang tranh chấp, bà H2 được cho sử dụng từ khoảng năm

1975, ông X cho từ năm 1990, bà H3 cũng được cho sử dụng từ khoảng năm 1975.

Đối với phần đất ruộng diện tích 6.614m^2 thuộc thửa đất số 850 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, đất này cũng có nguồn gốc cha mẹ bà H2 mua lại của người khác, khi cha mẹ bà H2 còn sống thì cha mẹ bà canh tác, trước khi cha mẹ bà H2 chết có chia cho hai đứa cháu là con của ông X và con của ông Sương mỗi đứa ½, sau khi cha mẹ bà H2 chết thì có làm văn bản phân chia thừa kế phân chia đất này cho con của ông X và ông Sương nhưng do con của hai ông còn nhỏ nên để ông X và ông Sương mỗi người đứng tên ½ như hiện tại.

Việc phân chia tài sản của cha mẹ là hai thửa đất trên được lập thành văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, những người tham gia phân chia gồm có bà H2, ông X, ông Sương và bà H3, đối với bà A không tham gia phân chia nhưng bà A biết và đồng ý với việc phân chia này, bà A không có tranh chấp hay khiếu nại gì.

Về phần đất hiện ông X tranh chấp với bà H1 thì ông Sương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H2 không biết ông Sương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H2 không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này cho ông Sương vì cha mẹ bà H2 nói đất này ai lo thờ cúng cha mẹ, ông bà, lo hương quả thì hưởng, nhưng nay ông Sương chết, bà H1 là dâu không thờ cúng cha mẹ, không lo hương quả thì phải chia lại cho chị em của bà H2.

Bà H2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X, bà H2 không có yêu cầu độc lập gì.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H3 trình bày:**

Bà H3 thống nhất với ý kiến của ông X về quan hệ huyết thống, bà H3 là chị của ông X, ngoài ra bà còn thống nhất về thời điểm cha mẹ của bà H3 chết.

Về nguồn gốc thửa đất số 1025 tờ bản đồ số 16 đang tranh chấp giữa ông X với bà H1, đất này là một phần được tách ra từ thửa đất 674 có nguồn gốc của cha mẹ bà H3, khi cha mẹ bà H3 còn sống cho thửa đất 674 mỗi người một phần để cất nhà ở nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách sổ, theo đó bà H2, bà H3, ông X và ông Sương mỗi người đều có một phần, sau khi cha mẹ bà H3 chết thì chị em bà H3 có liên hệ Ủy ban nhân dân xã AD để làm thủ tục tách sổ riêng cho từng người theo như hiện trạng lúc cha mẹ bà H3 còn sống tặng cho.

Việc phân chia này được lập thành văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã AD, thị xã B, tham gia phân chia có bà H2, ông X, ông Sương và bà H3, những người tham gia phân chia đã thống nhất ký tên vào văn bản.

Tại văn bản phân chia này ngoài việc phân chia thửa đất số 674 chị em bà H3 còn phân chia thửa đất ruộng số 850 tờ bản đồ số 16 cho ông X và ông

Sương mỗi người ½ và chia thửa đất rộng số 897 tờ bản đồ số 16 tại xã AD cho bà Phan Thị H2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X thì bà H3 có ý kiến là đất tranh chấp đã được phân chia cho ông Sương nên bà H3 yêu cầu không phân chia thừa kế nữa, bà H3 không có yêu cầu độc lập.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc A trình bày:**

Bà A thống nhất với ý kiến của ông Phan Văn X về quan hệ huyết thống. Bà A là chị ruột của ông X, cha mẹ bà A chết để lại hai phần đất:

Phần đất thứ nhất là đất gò: diện tích 6.226m^2 thuộc thửa đất số 674 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, đất này khi bả A chết thì đất vẫn đang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Buội ngày cấp 28/4/2005. Phần thứ hai là đất ruộng diện tích 6.614m^2 thuộc thửa đất số 850 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương, khi cha mẹ bà A chết đất này vẫn đang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Buội ngày cấp 28/4/2005.

Cha mẹ bà A chết không có để lại di chúc. Khi cha mẹ bà A còn sống có nói cho bà A một phần của thửa đất 674 để cất nhà ở nhưng do bà A có chồng ở xa, không có cất nhà ở gần cha mẹ nên bà A không nhận đất, vì bà A không nhận đất cha mẹ cho và đất này cho những người con ở trên đất là ông X, ông Sương, bà H2 và bà H3 nên khi những người này đi làm giấy tờ thì bà A không quan tâm, bà A đồng ý và không có ý kiến gì khiếu nại việc chị em bà A phân chia thửa đất này.

Về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 674 thì bà A thống nhất với ý kiến trình bày của ông X.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X thì bà A thống nhất với yêu cầu này vì nếu ông Sương còn sống thì ông Sương hưởng đất và thờ cúng ông bà cha mẹ nhưng hiện tại ông Sương chết thì bà H1 là dâu không thể thờ cúng được nên chia ra để thờ cúng cho cha mẹ ông bà, bà A không có yêu cầu độc lập.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh D1 và chị Phan Thị Thu T1 trình bày:**

Anh D1, chị T1 là con của ông Phan Ngọc Sương và bà Nguyễn Thị Huệ, bà Huệ là vợ trước của ông Sương, ông Sương sống với bà Huệ có hai người con chung là Phan Thanh D1 và Phan Thị Thu T1. Về nguồn gốc thửa đất số 1025 tờ bản đồ số 16 mà ông X đang tranh chấp thừa kế với bà H1 theo anh D1, chị T1 được biết thì đất này có nguồn gốc của ông bà nội của anh D1 chị T1 cho ông Sương, ông Sương ở và quản lý đất này từ khi ông bà nội của anh D1 chị T1 còn sống, hiện tại đất tranh chấp ông Sương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X thì anh D1 chị T1 không có ý kiến gì, anh D1 chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật,

anh D1, chị T1 không có yêu cầu độc lập gì.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Thu H4 và Phan Thị Ngọc S1 trình bày:**

Chị H4 và chị S1 là con của ông Phan Ngọc Sương và bà Lê Thị H1, bà H1 là vợ sau của ông Phan Ngọc Sương, ông Sương sống với bà H1 có hai người con là Phan Thị Thu H4 và Phan Thị Ngọc S1, về nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 1025 tờ bản đồ số 16 tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương hiện ông X đang tranh chấp thừa kế với bà H1, theo chị H4 và chị S1 biết đất này có nguồn gốc của ông bà nội của chị H4 và chị S1 là ông Buội và bà Chinh cho ông Phan Ngọc Sương, ông Sương ở và quản lý, sử dụng đất này từ trước khi ông bà nội của chị H4 và chị S1 chết.

Hiện tại, ông Sương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X thì chị H4 và chị S1 không có ý kiến, chị H4 và chị S1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chị H4 và chị S1 không có yêu cầu độc lập gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn X đối với bị đơn bà Lê Thị H1 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn X với bị đơn bà Lê Thị H1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1025 tờ bản đồ số 16 đất được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Phan Ngọc Sương, số vào sổ cấp GCN: CH03561 ngày 24/4/2012.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/3/2023, ông Phan Văn X là nguyên đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu xét xử lại phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia thừa kế thửa đất số 1025, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.404,5m^2 của cha mẹ là cụ Buội và cụ Chinh để lại cho 04 người con gồm: Ông X, bà H2, bà A, bà H3. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, cho rằng: Văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007 không rõ nội dung, thửa đất, diện tích đất, bà A không có tham gia và bà A bị khuyết tật có giấy xác nhận của UBND xã Long Nguyên không nhận thức được hành vi.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, người đại diện của nguyên

đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo. Đại diện nguyên đơn cho rằng bà A bị mất năng lực hành vi dân sự nhưng không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ huyết thống: Cụ ông Phan Văn Buội chết ngày 18/4/2006, cụ bà Nguyễn Thị Chinh chết ngày 01/01/2006. 02 cụ có 07 người con gồm:

1. Bà Phan Thị H2.

2. Bà Phan Thị Hoa, chết lúc 09 tuổi.

3. Bà Phan Thị H3.

4. Bà Phan Ngọc A.

5. Ông Nguyễn Văn Lập chết lúc 15 tuổi.

6. Ông Phan Văn X (là nguyên đơn trong vụ án).

7. Ông Phan Văn Sương, chết năm 2018, có vợ là bà Nguyễn Thị Huệ (đã ly hôn năm 1994). Ông Sương và bà Huệ có 02 người con: anh Phan Thanh D1 và chị Phan Thị Thu T1. Ông Sương có vợ sau là bà Lê Thị H1 (có đăng ký kết hôn ngày 02/6/1998, là bị đơn trong vụ án). Ông Sương và bà H1 có 02 người con: Chị Phan Thị Thu H4 và chị Phan Thị Ngọc S1.

[2] Ông X khởi kiện bà H1 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 1025, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.404,5m^2 đo đạc thực tế 2.348m^2 tại xã AD, thị xã B có nguồn gốc của cha mẹ để lại. Ông X cho rằng: Sau khi cha mẹ chết, chị em trong gia đình có thỏa thuận lập văn bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007. Riêng đối với thửa đất 1025 thì chị em trong gia đình thỏa thuận làm đất hương quả, thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Sương gìn giữ, không được bán. Nay ông Sương chết, ông X khởi kiện yêu cầu chia thừa kế như trên.

[3] Bà H1 khai: Bà là vợ của ông Sương. Thửa đất số 1025, tờ bản đồ số 16, ông Sương được cha mẹ cho sử dụng từ khi cha, mẹ còn sống. Sau khi cha mẹ chồng chết, anh chị em trong gia đình lập biên bản thỏa thuận phân chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha, mẹ để lại và ông Sương được phân chia thửa 1025 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H1 và các con không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Thấy rằng: Theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập, lời khai của các đương sự, hồ sơ quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất có tranh chấp thừa kế qua đo đạc thực tế diện tích 2.348m^2 thuộc thửa 1025, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại xã AD, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ông Phan Ngọc Sương

(chồng của bị đơn) đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/4/2012 có nguồn gốc của cụ ông Phan Văn Buội và cụ bà Nguyễn Thị Chinh. Cụ Buội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/5/2004, đổi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/4/2005, số: H00252. Lời khai của ông X, bà A, bà H2, bà H3 (bút lục 146, 147, 148, 149, 153, 154, 168, 169, 170): khi cha mẹ còn sống, cha mẹ có cho các con (chỉ nói miệng không làm giấy tờ) ông X, ông Sương, bà H2, bà H3 mỗi người một phần đất cất nhà ở để sinh sống. Riêng bà A có chồng ở xa, bà từ chối không nhận đất. Bà A biết việc chị, em lập văn bản phân chia thừa kế và đồng ý không tranh chấp. Ngày 15/8/2007, các con của cụ Buội, cụ Chinh gồm: Ông X, bà H2, bà H3, ông Sương tự nguyện thỏa thuận lập văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại do cụ Buội đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Văn bản được UBND xã AD chứng thực hợp pháp, đây là tình tiết không phải chứng minh theo điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trên cơ sở văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 15/8/2007. Ông Phan Ngọc Sương thực hiện thủ tục theo quy định và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/4/2012 thửa 1025, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.404,5m^2 (đo đạc thực tế diện tích 2.348m^2) là đúng trình tự pháp luật. Ông X, bà H2, bà H3 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 15/8/2007. Tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 24/3/2011 (bút lục 117), thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1025 cho ông Sương tiếp giáp thửa 1021 của nguyên đơn cũng được nguyên đơn ký liên ranh.

[5] Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất 1025, tờ bản đồ số 16 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc Sương không còn là di sản của cụ Buội, cụ Chinh. Sau khi ông Sương chết, bà H1 và các con tiếp tục quản lý, sử dụng đất trồng cây, nhà ở trên thửa đất cho đến nay. Nguyên đơn cho rằng: Thửa đất 1025, các chị em trong gia đình thỏa thuận làm đất hương hỏa, thờ cúng cha mẹ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sương là chứng thư pháp lý để nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất và được nhà nước bảo hộ theo quy định tại khoản 16 Điều 3; khoản 1 Điều 26; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai và các Điều: 163, 164 Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn có đơn rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phan Ngọc Sương, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Xét không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 16 Điều 3; khoản 1 Điều 26; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai;

- Căn cứ các Điều: 163, 164 Bộ luật Dân sự;

- Căn cức các Điều: 147, 148, 157, 165, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều : 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn X. Giữ nguyên Bản án số 22/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X đối với bà Lê Thị H1 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X đối với bà Lê Thị H1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH03561 do UBND huyện B cấp ngày 24/4/2012 cho ông Phan Ngọc Sương.

3. Án phí, chi phí thẩm đinh tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn X phải nộp 74.140.000 đồng được trừ vào 10.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011777, ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Ông X còn phải nộp tiếp 63.840.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn X phải nộp 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011008, ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

- Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Ông Phan Văn X phải chịu 6.000.000 đồng được trừ vào số tiền ông X đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung